

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025
VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026
REPORT OF THE BOARD OF GENERAL DIRECTORS
ON PRODUCTION AND BUSINESS PERFORMANCE IN 2025
AND OPERATIONAL PLAN FOR 2026

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 - Công ty CP thủy điện Quế Phong
At the 2026 Annual General Meeting of Shareholders - Que Phong Hydropower Joint
Stock Company

Kính thưa/To:

- Quý vị đại biểu/*Distinguished delegates;*
- Quý vị cổ đông Công ty CP thủy điện Quế Phong/
Distinguished shareholders of Que Phong Hydropower Joint
Stock Company;
- Thưa toàn thể Đại hội/*Ladies and gentlemen of the General*
Meeting.

Hôm nay tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026; thay mặt Ban Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025, dự kiến kế hoạch SXKD năm 2026 như sau:

Today, at the 2026 Annual General Meeting of Shareholders, on behalf of the Board of General Directors of Que Phong Hydropower Joint Stock Company, I would like to report to the Annual General Meeting of Shareholders on the production and business performance in 2025 as well as the projected production and business plan for 2026 as follows:

I. Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025/*Production and business performance in 2025:*

STT No.	Chỉ tiêu Targets	ĐVT Unit	TĐ Bản Cốc Ban Cốc	TĐ Sao Va Sao Va Hydropower	Khác Others	Tổng cộng Total
------------	---------------------	-------------	--------------------------	-----------------------------------	----------------	--------------------

			Hydropower Plant	Plant		
1	Sản lượng điện <i>Electricity output</i>	kWh				
	Sản lượng KH 2025 <i>Planned output in 2025</i>	kWh	79.000.000 <i>79,000,000</i>	10.666.000 <i>10,666,000</i>		89.666.000 <i>89,666,000</i>
	Sản lượng TH 2025 <i>Implemented output in 2025</i>	kWh	89.706.846 <i>89,706,846</i>	12.112.233 <i>12,112,233</i>		101.819.079 <i>101,819,079</i>
	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	%	113,55% <i>113.55%</i>	113,56% <i>113.55%</i>		113,55% <i>113.55%</i>
2	Doanh thu bán điện <i>Electricity sale revenue</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				
	Doanh thu KH 2025 <i>Planned revenue in 2025</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>	102.739 <i>102,739</i>	14.102 <i>14,102</i>		116.841 <i>116,841</i>
	Doanh thu TH 2025 <i>Implemented revenue in 2025</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>	98.694 <i>98,694</i>	12.313 <i>12,313</i>		111.008 <i>111,008</i>
	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	%	96,06% <i>96.06%</i>	87,32% <i>87.32%</i>		95,01% <i>95.01%</i>
3	Lợi nhuận trước thuế <i>Profit before tax</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				
	Kế hoạch <i>Planned profit</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				61.966 <i>61,966</i>
	Thực hiện <i>Implemented profit</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				95.966 <i>95,966</i>
	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	%				154,87% <i>154.87%</i>
4	Lợi nhuận sau thuế <i>Profit after tax</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				
	Kế hoạch <i>Planned profit</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				58.868 <i>58,868</i>
	Thực hiện <i>Implemented profit</i>	Triệu đồng <i>million VND</i>				77.169 <i>77,169</i>
	Tỷ lệ <i>Ratio</i>	%				131,09% <i>131.09%</i>

II. Đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2025/*Evaluation of the production and business performance in 2025:*

1. Về thực hiện chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025/*Regarding the implementation of planned production and business targets in 2025:*

Trong năm 2025, tình hình Thế giới nói chung gặp rất nhiều bất ổn, điển hình là cuộc xung đột Nga – Ucraina cũng như các cuộc xung đột khác ở nhiều khu vực và tình trạng lạm phát diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Năm 2025 cũng xảy ra nhiều đợt thiên tai lũ lụt gây hậu quả rất nghiêm trọng đối với đời sống xã hội nói chung. Đối với Việt Nam, mặc dù không chịu ảnh hưởng lớn của các tác động bên ngoài song nhìn chung nền kinh tế còn gặp rất nhiều khó khăn và thách thức rất lớn. Tuy nhiên, đối với các Nhà máy của Công ty, trong năm 2025, sản lượng phát điện và doanh thu đều có mức tăng cao hơn so với năm 2024.

In 2025, the world in general faced significant instability, notably the Russia-Ukraine conflict and other conflicts in various regions, as well as global inflation. 2025 also witnessed numerous natural disasters, including floods, causing severe consequences for the society in general. In Vietnam, although it was not significantly affected by external impacts, the economy generally faced many difficulties and significant challenges. However, for the Company's power plants, electricity generation output and revenue increased significantly in 2025 compared to 2024.

Doanh thu các Nhà máy Bản Cốc và Sao Va đạt được cụ thể: sản lượng phát điện đạt 101.819.079 kWh bằng 113.55% so với kế hoạch đề ra; doanh thu bán điện đạt 111,008 tỷ đồng (không bao gồm thuế TN và phí dịch vụ môi trường rừng, doanh thu khác) đạt 95,01% so với kế hoạch đề ra; Các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và sau thuế đều cao hơn so với kế hoạch đề ra lần lượt là 54,87% và 31,09%. Đây là kết quả rất tốt trong bối cảnh tình trạng thời tiết diễn biến bất thường, tình hình kinh tế không thuận lợi nhưng với sự nỗ lực phát huy tối đa nguồn lực hiện có của toàn thể Ban Lãnh đạo và CBCNV Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong.

The revenue of Ban Coc and Sao Va Hydropower Plants reached the following figures: electricity generation output reached 101,819,079 kWh, equivalent to 113.55% of the planned target; electricity sale revenue reached VND111.008 billion (excluding income tax and forest environmental service fees, and other revenue), achieving 95.01% of the planned target; pre-tax and after-tax profit targets were both higher than planned, by 54.87% and 31.09% respectively. This is a very good result in the unpredictable weather conditions and unfavorable economic situation, thanks to the efforts to maximize existing resources. of the entire Board of Leadership and employees of Que Phong Hydropower Joint Stock Company

2. Về công tác đầu tư/Regarding investment:

- Trong năm 2025, Công ty cũng đã tiến hành sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng định kỳ các tổ máy Nhà máy thủy điện Bản Cốc, Sao Va nâng cao hiệu quả vận hành phát điện. Ngoài ra còn rà soát khắc phục một số hư hỏng, thiếu sót cho các Nhà máy để đảm bảo vận hành an toàn hiệu quả.

In 2025, the Company also carried out minor repairs and periodic maintenance on the generating units of Ban Coc and Sao Va Hydropower Plants to improve power generation efficiency. In addition, it reviewed and rectified some damages and deficiencies at the plants to ensure safe and efficient operation.

3. Về công tác tài chính/*Regarding financial situation:*

Năm 2025 tình hình tài chính của Công ty đạt được những kết quả khả quan, đảm bảo cân đối được dòng tiền trả nợ cho các tổ chức tín dụng, không để phát sinh nợ quá hạn.

In 2025, the Company's financial situation achieved positive results, ensuring a balanced cash flow to pay debts to credit institutions and prevent overdue debts.

Tình hình dư nợ tại các TCTD: ĐVT đồng

Outstanding loan balances at credit institutions: (Unit: VND)

23. Vay và nợ thuê tài chính <i>Borrowings and finance lease liabilities</i>	Số cuối năm <i>Ending amount</i>		Trong kỳ <i>During the period</i>		Số đầu năm <i>Opening amount</i>	
	Giá trị <i>Value</i>	Số có khả năng trả nợ <i>Amount able to be repaid</i>	Tăng <i>Increase</i>	Giảm <i>Decrease</i>	Giá trị <i>Value</i>	Số có khả năng trả nợ <i>Amount able to be repaid</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn <i>Short-term borrowings</i>						
Vay ngắn hạn <i>Short-term borrowings</i>	6.852.634.615 <i>6,852,634,615</i>	6.852.634.615 <i>6,852,634,615</i>	44.462.204.545 <i>44,462,204,545</i>	38.157.419.310 <i>38,157,419,310</i>	13.157.419.850 <i>13,157,419,850</i>	13.157.419.850 <i>13,157,419,850</i>
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTM Ngoại thương (i) <i>Vietcombank Financial Leasing Co., Ltd (i)</i>	657.419.580 <i>657,419,580</i>	657.419.580 <i>657,419,580</i>	657.419.580 <i>657,419,580</i>	657.419.310 <i>657,419,310</i>	657.419.580 <i>657,419,580</i>	657.419.580 <i>657,419,580</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long (ii) <i>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry and Trade - Thang Long Branch (ii)</i>	12.500.000.000 <i>12,500,000,000</i>	12.500.000.000 <i>12,500,000,000</i>	43.804.784.965 <i>43,804,784,965</i>	37.500.000.000 <i>37,500,000,000</i>	6.195.215.035 <i>6,195,215,035</i>	6.195.215.035 <i>6,195,215,035</i>
Vay dài hạn đến hạn trả <i>Long-term borrowings due for repayment</i>	54.784.978 <i>54,784,978</i>	54.784.978 <i>54,784,978</i>		44.462.204.545 <i>44,462,204,545</i>	44.516.989.523 <i>44,516,989,523</i>	44.516.989.523 <i>44,516,989,523</i>
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính NHTM Ngoại thương (ii) <i>Vietcombank Financial Leasing Co., Ltd (ii)</i>	54.784.978 <i>54,784,978</i>	54.784.978 <i>54,784,978</i>		712.204.545 <i>712,204,545</i>	766.989.523 <i>766,989,523</i>	766.989.523 <i>766,989,523</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Thăng Long (iii) <i>Vietnam Joint Stock Commercial Bank for Industry</i>				43.750.000.000 <i>43,750,000,000</i>	43.750.000.000 <i>43,750,000,000</i>	43.750.000.000 <i>43,750,000,000</i>

and Trade - Thang Long Branch (iii)						
Cộng Total	13.212.204.828 <i>13,212,204,828</i>	13.212.204.828 <i>13,212,204,828</i>	44.462.204.545 <i>44,462,204,545</i>	82.619.523.855 <i>82,619,523,855</i>	51.369.624.138 <i>51,369,624,138</i>	51.369.624.138 <i>51,369,624,138</i>

III. Kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2025/Results of implementing the Resolutions of the General Meeting of Shareholders in 2025:

1. Việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2025: Như đã trình bày ở trên.

Implementation of planned production and business targets in 2025: As presented above.

2. Về lựa chọn đơn vị kiểm toán: Hội đồng quản trị đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế (IAV) để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

Regarding the selection of the auditing firm: The Board of Directors selected International Auditing and Valuation Company Limited (IAV) to audit the Company's 2025 financial statements.

3. Về thù lao Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát trong năm 2025/Regarding the remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors in 2025:

Dự toán tổng mức lương, thù lao thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong, tối đa là 840 triệu đồng. Thực tế Công ty đã thực hiện chi trả 840 triệu đồng.

The estimated total salary and remuneration of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors, in accordance with the Resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders of Que Phong Hydropower Joint Stock Company is VND840 million in maximum. In reality, the Company paid VND840 million.

IV. Báo cáo tài chính năm 2025/2025 Financial statements:

1. Bảng cân đối kế toán/Balance sheet:

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		272.984.491.492	491.823.778.003
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	21.609.344.288	15.794.100.584
1. Tiền	111		21.609.344.288	15.794.100.584
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		251.371.028.379	476.017.655.639
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	14.247.863.834	11.911.177.835
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.3	7.615.920.895	7.752.834.095
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.4	226.555.437.204	455.098.823.769
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	2.971.806.446	1.274.819.940
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(20.000.000)	(20.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.118.825	12.021.780
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.6	4.118.825	12.021.780
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.744.116.959	125.618.069.212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.133.667	75.133.667
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	75.133.667	75.133.667
II. Tài sản cố định	220		99.227.564.851	117.821.844.952
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	97.276.041.040	115.382.440.189
- Nguyên giá	222		472.908.402.911	472.621.615.423
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(375.632.361.871)	(357.239.175.234)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.7	1.951.523.811	2.439.404.763
- Nguyên giá	225		3.415.166.667	3.415.166.667
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.463.642.856)	(975.761.904)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.8	-	-
- Nguyên giá	228		3.724.769.595	3.724.769.595
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.724.769.595)	(3.724.769.595)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.880.806.482	231.481.482
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.880.806.482	231.481.482
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.560.611.959	7.489.609.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.6	4.560.611.959	7.489.609.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		378.728.608.451	617.441.847.215

ASSETS	Code	Section	Ending amount VND	Opening amount VND
A - CURRENT ASSETS	100		272,984,491,492	491,823,778,003
I. Cash and cash equivalents	110	4.1	21,609,344,288	15,794,100,584
1. Cash	111		21,609,344,288	15,794,100,584
II. Short-term financial investments	120		-	-
III. Current receivables	130		251,371,028,379	476,017,655,639
1. Trade receivable	131	4.2	14,247,863,834	11,911,177,835
2. Short-term repayments to suppliers	132	4.3	7,615,920,895	7,752,834,095
3. Short-term loan receivables	135	4.4	226,555,437,204	455,098,823,769
4. Other short-term receivables	136	4.5	2,971,806,446	1,274,819,940
6. Provision for doubtful debts	137		(20,000,000)	(20,000,000)
IV. Inventories	140		-	-
V. Other current assets	150		4,118,825	12,021,780
1. Short-term prepaid expenses	151	4.6	4,118,825	12,021,780
B - NON-CURRENT ASSETS	200		105,744,116,959	125,618,069,212
I. Non-current receivables	210		75,133,667	75,133,667
1. Other non-current receivables	216	4.5	75,133,667	75,133,667
II. Fixed assets	220		99,227,564,851	117,821,844,952
1. Tangible fixed assets	221	4.9	97,276,041,040	115,382,440,189
- Cost	222		472,908,402,911	472,621,615,423
- Accumulated depreciation	223		(375,632,361,871)	(357,239,175,234)
2. Fixed finance lease assets	224	4.7	1,951,523,811	2,439,404,763

- Cost	225		3,415,166,667	3,415,166,667
- Accumulated depreciation	226		(1,463,642,856)	(975,761,904)
3. Intangible fixed assets	227	4.8	-	-
- Cost	228		3,724,769,595	3,724,769,595
- Accumulated amortisation	229		(3,724,769,595)	(3,724,769,595)
III. Investment properties	230		-	-
IV. Non-current assets in progress	240		1,880,806,482	231,481,482
1. Construction in progress	242		1,880,806,482	231,481,482
V. Long-term financial investments	250		-	-
VI. Other non-current assets	260		4,560,611,959	7,489,609,111
1. Long-term prepaid expenses	261	4.6	4,560,611,959	7,489,609,111
TOTAL ASSETS	270		378,728,608,451	617,441,847,215

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		91.722.823.533	142.654.056.020
I. Nợ ngắn hạn	310		80.517.990.555	84.200.726.497
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.10	12.034.835.995	36.246.905.940
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	21.047.628.700	13.380.114.236
3. Phải trả người lao động	314		2.086.712.835	1.854.542.503
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.11	7.509.829.021	7.509.829.021
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.12	4.938.293.123	730.530.935
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	15.953.695.850	9.658.894.615
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		16.946.995.031	14.819.909.247
II. Nợ dài hạn	330		11.204.832.978	58.453.329.523
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	11.204.832.978	58.453.329.523
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		287.005.784.918	474.787.791.195
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.15	287.005.784.918	474.787.791.195
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		185.831.000.000	185.831.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		185.831.000.000	185.831.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		20.924.187.646	20.924.187.646
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.739.067.272	267.521.073.549
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		241.744.959	196.618.214.098
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		79.497.322.313	70.902.859.451
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		511.530.000	511.530.000
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		378.728.608.451	617.441.847.215

CAPITAL SOURCES	Code	Section	Ending amount VND	Opening amount VND
C - LIABILITIES	300		91,722,823,533	142,654,056,020
I. Current liabilities	310		80,517,990,555	84,200,726,497
1. Short-term payables to suppliers	311	4.10	12,034,835,995	36,246,905,940
2. Taxes and other amounts payable to the State	313	4.13	21,047,628,700	13,380,114,236
3. Payable to employees	314		2,086,712,835	1,854,542,503
4. Short-term accrued expenses	315	4.11	7,509,829,021	7,509,829,021
5. Other short-term payables	319	4.12	4,938,293,123	730,530,935
6. Short-term borrowings and financial lease debts	320	4.14	15,953,695,850	9,658,894,615
7. Reward and welfare fund	322		16,946,995,031	14,819,909,247
II. Non-current liabilities	330		11,204,832,978	58,453,329,523
1. Long-term borrowings and financial lease debts	338	1.14	11,204,832,978	58,453,329,523
D - OWNER'S EQUITY	400		287,005,784,918	474,787,791,195
I. Owner's equity	410	4.15	287,005,784,918	474,787,791,195
1. Owner's contributed capital	411		185,831,000,000	185,831,000,000
- Ordinary shares with voting rights	411a		185,831,000,000	185,831,000,000
2. Development investment fund	418		20,924,187,646	20,924,187,646

3. Undistributed after-tax profit	421	79,739,067,272	267,521,073,549
- Accumulated undistributed after-tax profit up to the end of the previous year	421a	241,744,959	196,618,214,098
- Undistributed after-tax profit this year	421b	79,497,322,313	70,902,859,451
4. Capital for construction investment	422	511,530,000	511,530,000
II. Other funds and funding	430	-	-
TOTAL CAPITAL SOURCES	440	378,728,608,451	617,441,847,215

V. Phân phối lợi nhuận/Profit distribution:

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, đã thông qua nội dung chia cổ tức cho Cổ đông năm 2024 với tỷ lệ 40%/VĐL, trong đó bao gồm tỷ lệ chia cổ tức năm 2023 20%/VĐL và tỷ lệ cổ tức năm 2024 20%VĐL.

According to the resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, the dividend distribution of 2024 to the Shareholders was approved at a ratio of 40% of the charter capital, including the 2023 dividend ratio of 20% of the charter capital and the 2024 dividend ratio of 20% of the charter capital.

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản năm 2025, đã thông qua nội dung chia cổ tức bổ sung cho Cổ đông từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 30/6/2025, tỷ lệ chi trả 100% VĐL.

According to the resolution of the 2025 Annual General Meeting of Shareholders, conducted through written opinions, the additional dividend distribution to the Shareholders from undistributed after-tax profit as of June 30, 2025, at a payment ratio of 100% of the charter capital, was approved.

VI. Kế hoạch SXKD năm 2026/Production and business plan for 2026:

1. Thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD năm 2026/Advantages and difficulties affecting the production and business plan for 2026:

1.1. Thuận lợi/Advantages:

- Đội ngũ CBCNV đoàn kết nội bộ tốt. yêu lao động. có nhu cầu công việc cao. có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng;

The employees and staff are strongly internal united, hardworking, have high job needs, and are responsible to themselves and the community;

- Được sự giúp đỡ của các cổ đông chính như Tổng công ty Điện lực Trung Sơn và các Cổ đông lớn khác;

Receive support from major shareholders such as Trung Son Electricity Corporation and other major Shareholders;

- Được sự giúp đỡ. quan tâm của chính quyền và nhân dân địa phương;

Receive support and attention from the local government and people;

- Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về chính sách đầu tư nguồn điện;

Receive attention from the Party and the State regarding investment policies in power sources;

- Nhà máy thủy điện Bản Cốc. Sao Va đã đi vào vận hành kinh doanh hơn 15 năm nên cán bộ công nhân viên Công ty đã có nhiều kinh nghiệm trong việc tác nghiệp với các cơ quan hữu quan nhất là với Tổng công ty điện lực Miền Bắc. Trung tâm điều độ hệ thống điện trong sản xuất và thanh toán tiền điện.

Ban Coc and Sao Va Hydropower Plants have been in operation for over 15 years, so the Company's employees and staff have extensive experience in working with relevant agencies, especially with the Northern Power Corporation and Power System Dispatch Center in electricity production and payment;

- Một số yếu tố khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư;...

Several other factors in production, business and investment activities; etc.

1.2. Khó khăn/Difficulties:

- Tình trạng lạm phát trên toàn cầu. xung đột địa chính trị giữa các nước lớn đang diễn ra rất phức tạp, ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế. hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Global inflation and complex geopolitical conflicts between major countries are severely impacting the economy, production and business activities of the Company.

- Toàn bộ dự án nằm trong khu vực miền Tây Nghệ An. khí hậu có nét đặc thù và khắc nghiệt; giao thông đi lại khó khăn và thông tin liên lạc còn nhiều hạn chế. Trụ sở Công ty đóng xa trung tâm, có những diễn biến phức tạp về trật tự, trị an. Cơ sở vật chất còn khó khăn thiếu thốn: Điều kiện đi lại khó khăn; các dịch vụ y tế, trường học nằm cách quá xa Công ty; thông tin liên lạc kém, không ổn định dẫn đến CBCNV không an tâm phát triển;

The entire project is located in the western region of Nghe An Province, a region with a unique and harsh climate; difficult transportation and limited communication. The Company's head office is far from the city center, and there are complex issues regarding public order and security. Infrastructure is inadequate: difficult transportation; medical services and schools are too far from the Company; poor and unstable communication leads to employees and staff feeling insecure to develop their work.

- Điện lượng vào mùa khô đạt thấp hơn kỳ vọng của dự án (Do hiện tượng khí hậu thay đổi thất thường – chế độ Thủy văn có sự suy giảm. lượng mưa giảm thấp so với số liệu thiết kế. công tác khảo sát đánh giá ban đầu chưa sát với thực tế. qua 15 năm vận hành từ năm 2010 đến nay chế độ thủy văn không có sự thay đổi khác);

Electricity production during the dry season is lower than the project's expectations (due to erratic climate change – the hydrological regime has deteriorated; rainfall is lower than the design data; initial surveys and assessments are not close to the reality, and the hydrological regime has not changed significantly over the 15 years of operation from 2010 up to present);

2. Kế hoạch SXKD năm 2026/Production and business plan for 2026:

Trên cơ sở xác định các điều kiện nội tại của Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong cũng như xác định những thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc xây dựng Kế hoạch SXKD năm 2026; Kế hoạch SXKD năm 2025 dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Based on the assessment of the internal conditions of Que Phong Hydropower Joint Stock Company, as well as the advantages and difficulties affecting the development of the 2026 production and business plan and the 2025 production and business plan, it is expected to be submitted to the General Meeting of Shareholders for approval as follows:

Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu/Key economic targets:

STT No.	Chỉ tiêu Targets	ĐVT Unit	TĐ Bản Cốc Ban Coc Hydropower Plant	TĐ Sao Va Sao Va Hydropower Plant	Tổng cộng Total
1	Sản lượng Output	kWh	79.000.000	10.666.000	89.666.000
2	Doanh thu Revenue	Tỷ đồng Billion VND	97.109	13.111	110.219
	Tiền bán điện Electricity sale		86.900	11.733	98.633
	Tiền thuế TN cộng vào giá bán Income tax added to the selling price		7.365	994	8.359
	Tiền phí dịch vụ MTR cộng vào giá bán Forest environment service fees added to the selling price		2.844	384	3.228
3	Doanh thu hoạt động tài chính Financial operating revenue		24.741		24.741
4	Doanh thu khác Other revenue				-
5	Chi phí Costs	Tỷ đồng Billion VND	39.460	10.253	49.713
	Chi phí tiền lương Salary expenses		7.971	2.392	10.363
	Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên Regular maintenance and repair expenses		2.913	1.311	4.224
	Chi phí thuế TN Income tax expenses		7.365	994	8.359
	Phí dịch vụ MTR Forest environment service fees		2.844	384	3.228
	Chi phí quản lý Management expenses		4.855	1.311	6.167
	Chi phí sửa chữa lớn Major repair expenses		6.083	821	6.904
	Chi phí khấu hao TSCĐ Depreciation cost of fixed assets		7.429	3.039	10.468
	Chi phí lãi vay Interest expenses				-
6	Chi phí khác Other expenses				3.000
7	Lợi nhuận trước thuế Profit before tax	Tỷ đồng Billion VND			82.247
8	Lợi nhuận sau thuế Profit after tax	Tỷ đồng Billion			65.798

		VND			
9	Trả cổ tức năm 2026 <i>Dividend payment in 2026</i>	%/VĐL %/charter capital			20

Nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư, hiệu quả SXKD của Công ty; Công ty cổ phần thủy điện Quế Phong kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 xem xét thông qua các chỉ tiêu kinh tế nêu trên đồng thời thông qua việc uỷ quyền cho Hội đồng quản trị được chủ động điều chỉnh kế hoạch năm 2026 (*nếu thấy cần thiết*) cho phù hợp tình hình hoạt động thực tế, chính sách của Nhà nước, mức độ ổn định vĩ mô nền kinh tế của Việt Nam trong năm 2026.

In order to ensure the effectiveness of investment, production and business of the Company, Que Phong Hydropower Joint Stock Company respectfully requests the 2025 Annual General Meeting of Shareholders to consider and approve the above-mentioned economic targets and to authorize the Board of Directors to actively adjust the 2026 plan (if deemed necessary) to suit the actual operating situation, State policies, and the level of macroeconomic stability of Vietnam in 2026.

3. Mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm khác trong năm 2026/Other key objectives and tasks for 2026:

- Tiếp tục tập trung phát điện vào giờ cao điểm.

Continue to focus on generating electricity during peak hours.

- Tiếp tục rà soát toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị Nhà máy, trạm, hệ thống điều khiển, đường dây để sửa chữa, thay thế, nâng cấp đáp ứng được yêu cầu phát điện với hiệu quả cao nhất.

Continue to review the entire system of machines and equipment at the power plants, substations, control systems and power lines to repair, replace and upgrade them to meet the requirements for generating electricity with the highest efficiency.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Tổng giám đốc Công ty trong năm 2025. Kế hoạch SXKD năm 2026 dự kiến và một số vấn đề khác.

The above is the General Director's report on the Company's operations in 2025, the projected production and business plan for 2026 and some other issues.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP thủy điện Quế Phong xem xét thông qua./.

It is respectfully submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Que Phong Hydropower Joint Stock Company for consideration and approval./.

Xin trân trọng cảm ơn!

Sincerely thank you!

Nơi nhận/Recipients:

- Như kính gửi/*Delegates and shareholders;*
- TV HĐQT. TV BKS/*BOD and BOS members;*
- Website Công ty/*Company's website;*
- Lưu VP. Tài liệu Đại hội/*Filing: Office.*
General Meeting Document.

**CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN QUẾ PHONG
QUE PHONG HYDROPOWER JOINT**

STOCK COMPANY

TỔNG GIÁM ĐỐC

GENERAL DIRECTOR



Lê Thái Hưng

Le Thai Hung